TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2026/DS-ST
Ngày: 10-3-2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tý
Ông Phạm Văn Sáng
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Văn Thoảng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng*: Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-DS ngày 29/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST-DS ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (E); Trụ sở: Tầng H V, số G L, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Diệu P – Nhân viên ngân hàng TMCP X (E) – Chi Nhánh Đ – P1 (văn bản ủy quyền số 03/2024/UQ-EIB ngày 08/8/2024 và Giấy ủy quyền số 01/2026/EIBPGDSONTRA ngày 13/02/2026); (Bà P có mặt).

Bị đơn: Bà Mai Thị Mỹ S, sinh năm 1991; Địa chỉ: K đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng; (vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng TMCP X (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu P trình bày:

Căn cứ các quy định của Ngân hàng và nhu cầu, khả năng trả nợ của bà Mai Thị Mỹ S, Ngân hàng đã chấp thuận phát hành cho bà Mai Thị Mỹ S một thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 19/12/2022. Cụ thể: Số thẻ 404152xxxxxx9964; Loại thẻ. Thẻ tín dụng quốc tế Visa vàng; Thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng theo quy định từng thời kỳ của E; Lãi suất quá hạn

bằng 150% lãi trong hạn. Lãi suất xử lý nợ 20%/năm chỉ áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế chuyển nợ từ nhóm 3 trở lên nhằm tạo điều kiện, giảm gánh nặng trả nợ cho khách hàng.

Sau khi Ngân hàng giải ngân, bà S đã nhận đủ số tiền để vay tiêu dùng cá nhân. Từ ngày 18/8/2025 đến nay, bà S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhiều lần vi phạm về việc trả nợ định kỳ hàng tháng. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, thông báo lẫn làm việc trực tiếp với bà Mai Thị Mỹ S để yêu cầu thanh toán nhưng vẫn không có thiện chí, không còn khả năng trả nợ đầy đủ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP X đã khởi kiện bà Mai Thị Mỹ S và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Mai Thị Mỹ S phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 10/3/2026 tổng số tiền 44.031.197 đồng (trong đó, nợ gốc 39.102.985 đồng; nợ lãi trong hạn 4.928.212 đồng; nợ lãi quá hạn: 0 đồng) và bà S phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 11/3/2026 cho đến khi bà Mai Thị Mỹ S hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP X.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà Mai Thị Mỹ S phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 10/3/2026 tổng số tiền 44.031.197 đồng (trong đó, nợ gốc 39.102.985 đồng; nợ lãi trong hạn 4.928.212 đồng) và bà S phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 11/3/2026 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

** Đối với bị đơn bà Mai Thị Mỹ S:* Mặc dù bà Mai Thị Mỹ S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ (bằng thủ tục niêm yết công khai) các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà S vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn bà Mai Thị Mỹ S có nơi cư trú tại: K đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng và bà S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Mai Thị Mỹ S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về pháp luật nội dung áp dụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn thể hiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 19/12/2022, giao dịch phát sinh vào năm 2022. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14 để giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[4] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế ngày 19/12/2022, Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng đính kèm. Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định: Ngày 19/12/2022, giữa bà Mai Thị Mỹ S và Ngân hàng TMCP X có ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là số tiền 40.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và phù hợp với các Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 28/2019/TT-NHNN và Thông tư số 17/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[5] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc bà Mai Thị Mỹ S phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 10/3/2026 là 44.031.197 đồng (trong đó nợ gốc 39.102.985 đồng; nợ lãi trong hạn 4.928.212 đồng) và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 11/3/2026 cho đến khi thanh toán xong. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng như nêu trên thì bà S đã sử dụng khoản tiền vay và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, đốc thúc yêu cầu bà S trả nợ nhưng bà S vẫn không thanh toán. Như vậy, bà S đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với bà S là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế ngày 19/12/2022, Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14; Điều 8

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị Mỹ S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 44.031.197 đồng = 2.201.560 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

- Điều 117, 119 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 17/2017/QH14;

- Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 28/2019/TT-NHNN và Thông tư số 17/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N.

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bà Mai Thị Mỹ S.

2. Buộc bà Mai Thị Mỹ S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X tổng số tiền 44.031.197 đồng (*Bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi mốt ngàn một trăm chín mươi bảy đồng*) tính đến ngày 10/3/2026; trong đó: nợ gốc là 39.102.985 đồng, lãi trong hạn là 4.928.212 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 10/3/2026, bà Mai Thị Mỹ S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Thị Mỹ S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.201.560 đồng (Hai triệu hai trăm lẻ một ngàn năm trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí 1.027.636 đồng (Một triệu không trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0003815 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng THADS kv 3 – Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- VKSND kv 3 – Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kiều Trang